

Bản án số: **203/2024/DS - PT**

Ngày: 25/12/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Bà Trần Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Huỳnh Mạnh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 280/2024/QĐ – PT ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Hồng Đ, sinh năm 1959, CCCD số 038159023737; Địa chỉ: 2 N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1998, CCCD số 038198019428; Địa chỉ liên hệ: Số C L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng – Là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 23/11/2024 tại Văn phòng C). Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lý Vinh H – Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; Địa chỉ liên hệ: Số C L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Ưông Đình Nguyệt T, sinh năm 1985, CCCD số 048185004927 và ông Nguyễn Khắc N, sinh năm 1990, CCCD số 048090007861; Cùng địa chỉ: 7 Ông Í, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết A1, sinh năm 1996, CCCD số 052196006268; Địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định – Là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền lập ngày 23/12/2024 tại Văn phòng C1, địa chỉ C L, quận C, Tp Đà Nẵng). Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1995, CCCD số 045095003795; Địa chỉ liên hệ: Số A Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trịnh Hoài L; Địa chỉ: 0 P, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

4. *Người kháng cáo:* Bà Ưông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc A cùng thống nhất trình bày:*

Vợ chồng bà Ưông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N là chỗ bạn bè thân thiết với con của bà Lưu Thị Hồng Đ nên nhiều lần bà Đ cho ông N và bà T vay tiền với mục đích đáo hạn ngân hàng. Đối với số tiền nợ 4.400.000.000 đồng, bà Đ đã cho vợ chồng bà T, ông N mượn trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bà T, ông N ký giấy mượn tiền ngày 06/11/2022. Hai bên đã giao và nhận đủ số tiền nêu trên.

Hết thời hạn 01 tháng, vợ chồng bà T không trả được tiền đã mượn cho bà Đ. Vợ chồng bà T nói số tiền mượn bà Đ đã không dùng để đáo hạn ngân hàng mà đã cho ông Trịnh Hoài L vay xin bà Đ được gia hạn thêm 05 tháng sẽ trả đủ số tiền 4.400.000.000 đồng. Để tạo niềm tin cho bà, ngày 10/12/2022 vợ chồng bà T, ông N đã tự viết và ký nhận vào giấy nhận nợ cho bà Đ giữ, ông L tự viết tiếp trên giấy nhận nợ đó và ký xác nhận đã nhận tiền từ bà T.

Tuy nhiên, hết thời hạn 05 tháng cho đến nay, bà Đ đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng bà T không trả lại số tiền đã mượn. Vì vậy, bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Ưông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N phải trả cho bà Đ tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2024 là **4.899.068.493 đồng**, trong đó bao gồm: Số tiền nợ gốc là: 4.400.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 11/5/2023 đến ngày 27/6/2024 là 499.068.493 đồng.

** Tại đơn trình bày ngày 03/01/2024 cũng như trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N cùng thống nhất trình bày:*

Bà T, ông N và bà Đ có quen biết nhau nên khi được biết bà Đ có vốn và có nhu cầu cho vay có lãi, bà T và ông N đã giới thiệu ông Trịnh Hoài L (làm việc ở ngân hàng) cho bà Đ. Bà Đ là người xuất vốn để đưa cho ông L thực hiện đáo hạn hồ sơ ngân hàng và bà Đ nhận tiền lãi từ các lần đáo hạn đó, việc đưa nhận tiền giữa bà Đ và ông L thực hiện thông qua vợ chồng bà T, ông N. Tiền lãi cho các lần đáo hạn hồ sơ ngân hàng đều thể hiện trong tin nhắn zalo qua lại giữa bà T với bà Đ và với ông L. Tùy từng hồ sơ đáo hạn của ngân hàng khác nhau mà bà Đ nhận được mức lãi suất là 0.1%/ngày hay 0.15%/ngày, bà T có nhiệm vụ là trung gian chuyển tiền giữa bà Đ với ông L. Sau khi thỏa thuận về việc làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng và lãi suất, bà Đ đã giao tiền cho ông L tổng cộng vốn gốc là 4.400.000.000 đồng, trong đó vợ chồng bà T, ông N là người đứng ra nhận tiền của bà Đ và đưa lại cho ông L, bà Đ biết, đồng ý về việc giao nhận tiền này.

Đồng thời, tại Giấy viết tay lập ngày 10/12/2022, là bà Đ yêu cầu, gây áp lực, buộc vợ chồng bà T, ông N phải viết và ký tên để đảm bảo sau này ông L sẽ trả tiền cho bà Đ, nên dù là Giấy nhận nợ nhưng nội dung là bà T, ông N nhận tiền từ bà Đ và đưa qua ông Trịnh Hoài L.

Ngoài ra, bà T ông N còn nộp cho Tòa án bản photo tin nhắn qua lại giữa bà T với ông L. Bà T ông N cho rằng số tiền 4.400.000.000 đồng mà bà Đ đưa cho bà T ông N đã được giao lại cho ông Trịnh Hoài L, ông L xác nhận đã nhận đủ 4.400.000.000 đồng của bà Đ. Do đó, ông L mới là bên có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho bà Đ.

Nay, bà Đ khởi kiện yêu cầu ông N bà T trả lại số tiền nợ gốc là 4.400.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 11/5/2023 đến ngày 27/6/2024 là 499.068.493 đồng với lý do ông N bà T mượn tiền của bà Đ là không đúng sự thật, ông N bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ và đề nghị Tòa án buộc ông Trịnh Hoài L trả lại cho bà Đáp số tiền 4.400.000.000 đồng đã nhận từ ông N bà T (đây là số tiền ông N bà T đã nhận của bà Đ để giao cho ông L) theo Giấy nhận nợ do ông L viết tay và ký ngày 11/12/2022.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Hoài L: Quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N.

- Buộc bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N phải trả cho bà Lưu Thị Hồng Đáp S tiền **4.899.068.493 đồng** (*Bốn tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc là 4.400.000.000 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng*), tiền lãi tính từ ngày 11/5/2023 đến ngày 27/6/2024 là 499.068.493 đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 10 tháng 7 năm 2024, bị đơn là bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Hoàn toàn không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, tuy nhiên không đề nghị hủy Bản án sơ thẩm như nội dung đơn kháng cáo mà đề nghị sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xác định ông Trịnh Hoài L1 là người có nghĩa vụ trả khoản tiền gốc và lãi là 4.899.068.493 đồng cho nguyên đơn, lý do: Giữa nguyên đơn và bị đơn, bà T ông N chỉ là trung gian nhận tiền để giao cho ông Trịnh Hoài L làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng. Tài liệu, chứng cứ là Vi bằng do bị đơn cung cấp thể hiện việc đáo hạn ngân hàng là có thật, do đó trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là của ông L.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm: Nội dung kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, đề nghị HĐXX sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không thống nhất với kháng cáo của bị đơn, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ưông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 27/6/2024 của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn, nội dung kháng cáo của bị đơn bà Ưông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N: Bị đơn bà Ưông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo, nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Trịnh Hoài L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại địa phương nên không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho ông L. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm lần này là lần thứ hai ông Trịnh Hoài L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đối với ông L.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Ưông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N:

[3.1] Xét, Giấy mượn tiền lập ngày 06/11/2022 do bà Ưông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N viết và ký tên đã xác định: *“Hiện chúng tôi có mượn của cô Lưu Thị Hồng Đ...với số tiền là 4.400.000.000đ (Bằng chữ: bốn tỷ bốn trăm triệu đồng y./.. Chúng tôi hứa 01 tháng (một tháng) sẽ hoàn trả lại cho cô”*. Hết thời hạn 01 tháng nhưng không trả được số tiền đã mượn nên bà T và ông N viết và ký vào Giấy nhận nợ lập ngày 10/12/2022, theo đó, bà T và ông N tiếp tục xác nhận đã nhận và còn nợ bà Đ số tiền 4.400.000.000đ và xin cam đoan trong thời gian 05 tháng sẽ xử lý số nợ trên cho bà Đ, nếu không thì xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày việc bà T và ông N viết Giấy mượn tiền và Giấy nhận nợ nêu trên là do nguyên đơn yêu cầu, gây áp lực buộc viết không đúng ý chí của bà T và ông N, tuy nhiên không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh cho nội dung trình bày trên.

[3.2] Bà Lưu Thị Hồng Đ, bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia giao dịch dân sự, hình thức của giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, giao dịch vay tài sản giữa Đ và vợ chồng bà T ông N là hợp pháp theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015. Theo Giấy mượn tiền và G nhận nợ thì giao dịch giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại các Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Thời hạn vay ban đầu hai bên xác định là 01 tháng kể từ ngày 06/11/2022, sau đó gia hạn thêm 05 tháng kể từ ngày 10/12/2022, tức thời hạn trả nợ chậm nhất của bà T và ông N là ngày 10/5/2023. Do bà T và ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T và ông N trả lại cho bà Đ số tiền đã vay 4.400.000.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh từ số tiền vay tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 11/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/6/2024, lãi suất là 10%/năm với số tiền lãi là 499.068.493 đồng là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.3] Các tin nhắn trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 29/9/2022 thể hiện tại Vi bằng số 214/2024/VB-TPLTT lập ngày 23/5/2024 tại Văn phòng T2 do bị đơn cung cấp không thể hiện bà Lưu Thị Hồng Đ cho ông Trịnh Hoài L vay số tiền 4.400.000.000 đồng. Các nội dung tin nhắn khác cũng không thể hiện nội dung bà Đ cho ông L vay tiền. Tại Giấy nhận nợ lập ngày 10/12/2022, ông L cũng xác nhận có nhận của bà T và ông N số tiền số tiền 4.400.000.000 đồng, trong thời hạn 05 tháng sẽ trả lại cho bà T và ông N số tiền trên, không có nội dung nào xác nhận bà Đ cho ông L vay số tiền 4.400.000.000 đồng hay bà T ông N chỉ là trung gian nhận tiền để giao cho ông Trịnh Hoài L làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng như trình bày của bà T và ông N tại Đơn kháng cáo và trình bày của người đại diện hợp pháp của bà T và ông N cũng như quan điểm tranh luận của người bảo vệ quyền, lợi ích của bà T và ông N tại phiên tòa phúc thẩm. Việc L xác nhận có nhận tiền từ bà T và ông N và cam kết trả lại cho bà T và ông N là quan hệ vay tiền giữa bà T, ông N và ông L. Bà T và ông N có thể khởi kiện đối với ông L bằng vụ án dân sự khác. Do đó, trình bày của đại diện hợp pháp của bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nhận định trên, HĐXX chấp nhận ý kiến của đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lưu Thị

Hồng Đ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ :

- Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số: 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N.

Buộc bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N phải trả cho bà Lưu Thị Hồng Đáp S tiền 4.899.068.493 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc là 4.400.000.000 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng*), tiền lãi tính từ ngày 11/5/2023 đến ngày 27/6/2024 là 499.068.493 đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí DSST là 112.899.068 đồng (Một trăm

mười hai triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng) bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N phải chịu.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Uông Đình Nguyệt T và ông Nguyễn Khắc N phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu số 0004287 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi Cục THADS quận Hải Châu;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu

